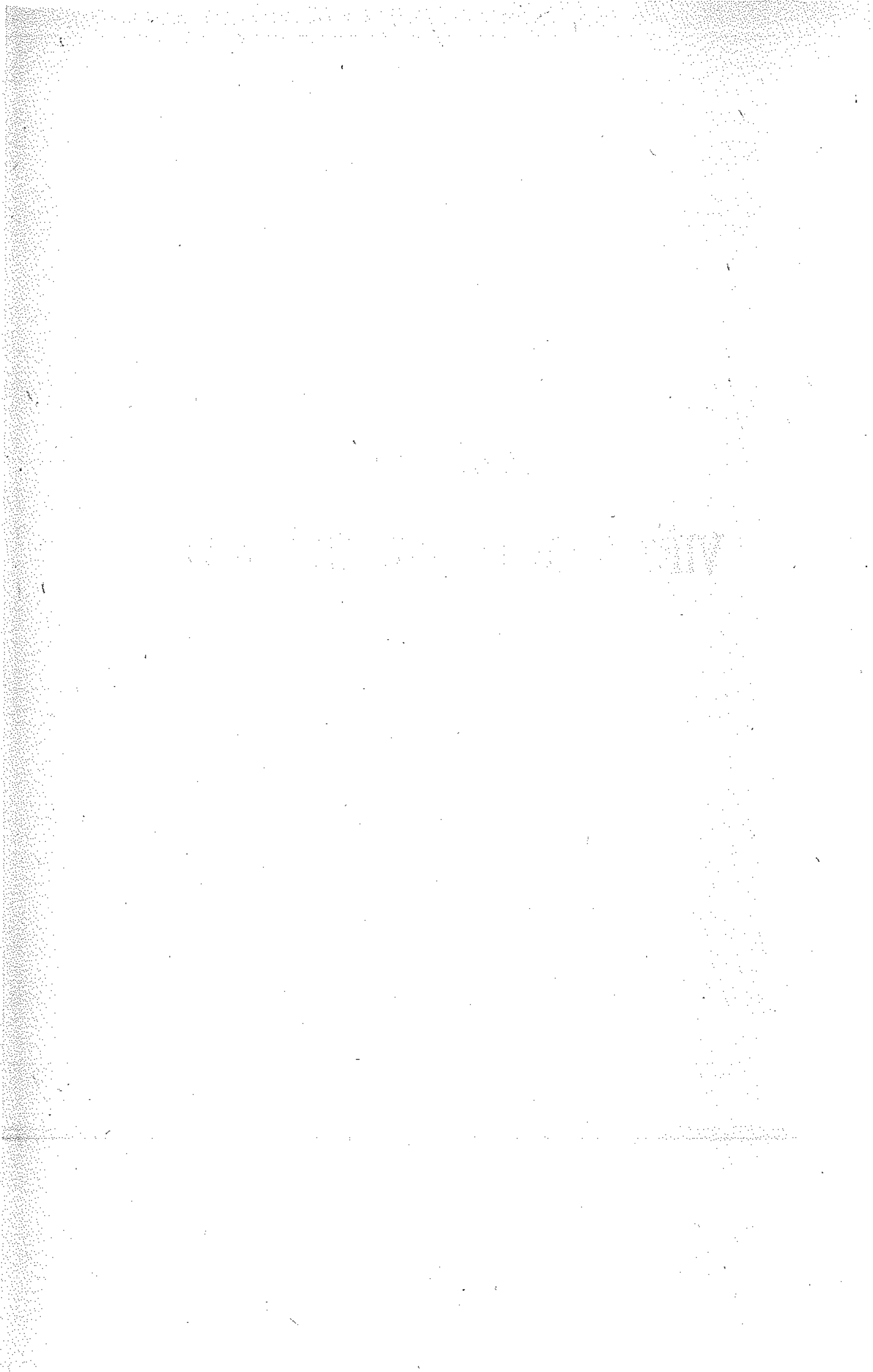


PHẦN BA

VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY



Chương VIII

VIỆT NAM NĂM ĐẦU TIÊN SAU THẮNG LỢI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ. HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1975-1976)

I – TÌNH HÌNH HAI MIỀN BẮC-NAM SAU THẮNG LỢI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC NĂM 1975

Với đại thắng mùa Xuân 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), các thế lực đế quốc xâm lược nước ta đã bị quét sạch, non sông gấm vóc do Tổ tiên để lại được thu về một mối. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần ba thập niên từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã giành được thắng lợi vẻ vang. Sự kiện đó đánh dấu mốc trọng đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, mở đầu kỉ nguyên phát triển rực rỡ của cách mạng Việt Nam – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Miền Bắc trải qua 21 năm (1954-1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng chỉ nửa thời gian đó là tương đối hòa bình, còn là trong tình trạng chiến tranh, phải hai lần đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ.

Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, được xây dựng và không ngừng củng cố. Đó là kết quả của lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường dũng cảm của quân dân cả nước, trực tiếp là của quân dân miền Bắc. Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ kéo dài (tập trung trong hai lần, tổng cộng 5 năm) và hết sức ác liệt đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

Gần như toàn bộ các thành phố, thị xã đều bị đánh phá, trong đó 12 thị xã, 51 thị trấn bị phá hủy hoàn toàn; 4.000 xã (trong tổng số 5.788 xã) bị

đánh phá, trong đó 30 xã bị phá hủy hoàn toàn. Tất cả các khu công nghiệp bị đánh phá, nhiều khu bị đánh tới mức hủy diệt. Tất cả các nhà máy điện đều bị đánh hỏng, 5 triệu mét vuông nhà ở (chưa kể ở nông thôn) bị phá hủy. Tất cả các tuyến đường sắt, 100% cầu, toàn bộ hệ thống bến cảng, đường biển, đường sông và kho tàng đều bị bắn phá. Dịch gây tổn thất 1.600 công trình thủy lợi, hầu hết các nông trường và hàng trăm nghìn héc ta ruộng vườn, giết hại 40.000 trâu bò, Mỹ đã đánh phá 3.000 trường học, 350 bệnh viện, trong đó 10 bệnh viện bị san bằng⁽¹⁾.

Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ cùng với bộ máy nguy quyền tay sai ở trung ương bị sụp đổ, những cơ sở của nguy quyền ở địa phương mà chúng dày công xây dựng trong hơn hai chục năm, có ngót triệu người vẫn còn tồn tại.

Chỉ có số ít tướng lĩnh, nhân viên nguy quyền cao cấp chạy ra nước ngoài, còn số đông vẫn ở lại các địa phương. Phần lớn trong số họ đã nhận thấy không có con đường nào khác là phải đứng về phía nhân dân, chấp hành các chính sách của cách mạng. Nhưng không phải tất cả nhân viên nguy quyền cũ đều ủng hộ chế độ mới: một số nằm im chờ thời; một số khác lợi dụng Nhà nước gặp khó khăn để kích động, lôi kéo quần chúng nhẹ dạ, móc nối với bọn phản động bên ngoài gây rối loạn trong nước.

Chế độ thực dân mới của Mỹ đã bị đánh đổ, nhưng vẫn để lại bao di hại xã hội, như xì ke, ma túy, lưu manh, bụi đời, dĩ điểm,... Ở Sài Gòn, số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong cư dân, đội ngũ thất nghiệp lên tới 1.500.000 người.

Trong hơn hai chục năm là xã hội thuộc địa kiểu mới của Mỹ, trong chừng mực nhất định nền kinh tế miền Nam đã phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, nhưng vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

II- KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC KINH TẾ, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH MIỀN NAM SAU GIẢI PHÓNG

Ở miền Bắc, tuy chiến tranh đã chấm dứt sau Hiệp định Pari 1973 về

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. NXB Sự thật, H.1977, tr.38.

Việt Nam, nhưng do sự tàn phá nặng nề của hai lần chiến tranh phá hoại, nên nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế đến giữa 1976 mới căn bản hoàn thành.

Trong các năm 1973-1975, thực hiện kế hoạch hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định tình hình chính trị-xã hội, ra sức chi viện cho cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng vùng giải phóng của quân dân ta ở miền Nam, miền Bắc đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đến năm 1974, so với năm 1965, miền Bắc có thêm 165 xí nghiệp công nghiệp (trong đó có 108 xí nghiệp do Trung ương quản lý, phần lớn là những xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp quan trọng, như thủy điện Thác Bà, nhiệt điện Uông Bí, Ninh Bình, phân đạm Bắc Giang. v.v...). Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng nhanh qua các năm: 2.761,4 triệu đồng năm 1965; 2.922,2 triệu đồng năm 1973; 3.619,4 triệu đồng năm 1974. Năm 1975, miền Bắc có 115 nông trường gồm 103.700 héc ta đất nông nghiệp, trong đó 22.000 héc ta đất canh tác, 23.900 héc ta đất trồng cây lâu năm, với 92.000 công nhân viên chức.

Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 6 tháng cuối năm 1975 và 6 tháng đầu năm 1976, miền Bắc có những tiến bộ đáng kể.

Mặc dù thời tiết thất thường, thiên tai dồn dập, miền Bắc thu hoạch vụ đông-xuân 1975-1976 khá tốt. Diện tích trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp năm 1976 đều tăng hơn năm 1975. Phong trào hoàn chỉnh thủy nông được đẩy mạnh, nâng khối lượng công trình trong 6 tháng đầu năm 1976 lên gấp 3 lần cả năm 1975. Nhiều công trình, nhà máy được xây dựng và mở rộng thêm. Trong một số xí nghiệp có sự chuyển biến bước đầu về quản lý kinh tế, quản lý lao động cũng như năng suất lao động. Sản lượng phần lớn các sản phẩm quan trọng đạt và vượt mức trước chiến tranh. Đội ngũ cán bộ và công nhân kĩ thuật tăng nhanh; sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật phát triển mạnh.

Đồng thời với việc tiếp tục khôi phục và phát triển kinh tế, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc ra sức làm tròn nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới.

Miền Bắc đã điều động vào miền Nam một khối lượng lớn vật chất và hàng vạn cán bộ, công nhân để tăng cường cho các địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế... góp phần vào việc tiếp quản vùng mới giải phóng, ổn định tình hình chính trị - xã hội, thực hiện bước

chuyển biến cách mạng từ sau đại thắng mùa Xuân 1975.

Ở miền Nam, công việc tiếp quản các vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ các căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa được tiến hành khẩn trương và đạt kết quả tốt.

Ở những vùng mới giải phóng, việc thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thực hiện. Tại các thành phố lớn (như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng...), chính quyền cách mạng chính thức tuyên bố thành lập chỉ vài ngày sau khi thành phố được hoàn toàn giải phóng. Trên toàn miền Nam, hình thành hệ thống hoàn chỉnh các cấp chính quyền cách mạng từ Trung ương (là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, thành lập 6-6-1969) đến cơ sở (ở tỉnh, huyện, xã...).

Chính quyền cách mạng kêu gọi tất cả những người từng làm việc trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện và tạo mọi điều kiện thuận lợi cả về pháp lý, tâm lý, dư luận xã hội để họ tự giác thực hiện, hoán chuyển những ai quay trở về với dân tộc, ghi nhận những ai có công và khen thưởng tùy theo mức độ không phân biệt đối xử, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ chống đối, truy tìm những kẻ ngoan cố, lẩn trốn.

Được sự hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước, hàng triệu đồng bào trong thời gian chiến tranh bị dồn vào các "ấp chiến lược" (hay bỏ chạy vào các thành phố) không có việc làm, hàng chục vạn đồng bào khác trong những ngày quân ta Tổng tiến công bị bọn ngụy quân bức ép di cư từ vùng này sang vùng khác... được hồi hương, chuyển về nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Chỉ tính riêng ở Sài Gòn, đến tháng 7-1976, Ủy ban nhân dân cách mạng đã giúp khoảng 50 vạn đồng bào trở về quê cũ làm ăn; hàng chục vạn người thất nghiệp ở vùng mới giải phóng được thu xếp việc làm; hàng vạn nạn nhân của lối sống và văn hóa đồi trụy dưới chế độ cũ được phục hồi nhân phẩm và cũng được thu xếp việc làm.

Chính quyền tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài; tuyên bố xóa bỏ bóc lột phong kiến, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân; quốc hữu hóa ngân hàng, thay đồng tiền ngụy bằng đồng tiền cách mạng (22-9-1975). Chính quyền nắm giữ các cơ sở kinh tế lớn có ý nghĩa then chốt; nắm toàn bộ xuất nhập khẩu; giữ độc quyền đường biển, đường sắt, đường không; quản lý vật tư, hàng

hóa thiết yếu, như xăng dầu, sắt, thép, phân bón...

Chính quyền cách mạng rất chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu cấp bách trước mắt và lâu dài của nhân dân về lương thực. Ở hầu khắp các vùng nông thôn miền Nam đã dấy lên phong trào của quần chúng tháo gỡ bom mìn, khai hoang, khẩn hóa, làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ... Các cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, trong điều kiện gián đoạn quan hệ với nước ngoài đã trở lại hoạt động và có những cố gắng trong việc khắc phục khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội cũng được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, báo chí được kịp thời sử dụng vào công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động. Những biểu hiện của văn hóa phản động, đồi trụy bị lên án và nghiêm cấm. Những tệ nạn xã hội cũ, như mê tín dị đoan, cô đầu, gái điếm, nghiện ma túy... bị bài trừ. Các hoạt động văn hóa lành mạnh được đẩy mạnh và lan rộng. Ngành giáo dục phổ thông, giáo dục và đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp được chấn chỉnh, tổ chức lại và bước đầu phát triển. Việc xóa nạn mù chữ được chú trọng và phong trào bình dân học vụ được phát động, các lớp bổ túc văn hóa được mở ở khắp nơi. Ngành y tế được chấn chỉnh, công tác vệ sinh phòng bệnh, hoạt động thể dục thể thao cũng được chú trọng và phát động thành phong trào quần chúng.

Những hoạt động trên nhằm ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh trong hơn năm đầu sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đã giành được thắng lợi to lớn, nhưng chỉ là bước đầu. Những nhiệm vụ đó còn phải tiếp tục thực hiện nhiều năm trong quá trình vừa cải tạo vừa xây dựng. Tuy nhiên, đó là bước đầu cơ bản, bởi vì những nhiệm vụ có tính chất cấp bách trước mắt được thực hiện nhanh chóng, có hiệu quả, trên thực tế đã có tác dụng đến việc ổn định sớm tình hình chính trị, kinh tế, xã hội miền Nam, làm cho nhân dân, trực tiếp là nhân dân ở những vùng mới giải phóng yên tâm, tin tưởng vào chế độ mới. Những kết quả giành được, trước mắt lại có ý nghĩa đến việc hoàn thành sớm thống nhất đất nước.

III- HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975-1976)

Nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là giành lại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh

thổ Tổ quốc, đồng thời chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt. Với việc "Mĩ cút" (29-3-1973), rồi "ngụy nhào" (30-4-1975), nguồn gốc của sự chia cắt đất nước đã bị gạt bỏ. Tổ quốc Việt Nam trên thực tế về mặt lãnh thổ đã được thống nhất từ ngày 30-4-1975 lịch sử.

Nhưng về thể chế chính trị, chúng ta vẫn chưa có một nhà nước chung, do nhân dân cả nước bầu ra thông qua phổ thông đầu phiếu. Do đó yêu cầu hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước được đặt ra một cách bức thiết.

Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (họp trong tháng 9-1975) đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, đã nhấn mạnh: "Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam"⁽¹⁾.

Từ ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước ta diễn ra tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền tham dự Hội nghị. Đoàn miền Bắc gồm 25 đại biểu do Trường Chinh làm trưởng đoàn. Đoàn miền Nam gồm 25 đại biểu do Phạm Hùng làm trưởng đoàn.

Hội nghị tiến hành thảo luận và đã đi đến nhất trí hoàn toàn tất cả các vấn đề thuộc về chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Hội nghị nhấn mạnh: "Cần tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam để bầu ra Quốc hội chung cho cả nước. Là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và chủ nghĩa xã hội, Quốc hội đó sẽ xác định thể chế Nhà nước, bầu ra các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và quy định Hiến pháp mới của nước Việt Nam thống nhất".

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. Đây là lần thứ hai cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước sau lần Tổng tuyển cử đầu tiên (tổ chức ngày 6-1-1946). Hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu và bầu ra 492 đại biểu.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất với 492 đại biểu, được gọi là *Quốc hội khóa VI* với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước, kể từ Cách mạng tháng Tám 1945, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

(1) *Các Đại hội Đảng ta (1930-1986)*. NXB Sự thật, H.1991, tr.86.

Quốc hội quyết định lấy tên nước là *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (từ 2-7-1976), *Quốc kì* là lá cờ đỏ sao vàng, *Quốc ca* là bài Tiến quân ca, *Quốc huy* mang dòng chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất. Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước, Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ.

Ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành ba cấp chính quyền: *cấp tỉnh* và thành phố trực thuộc Trung ương; *cấp huyện* và tương đương; *cấp xã* và tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền đều có Hội đồng nhân dân, được bầu theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín, và Ban chấp hành của Hội đồng nhân dân, tức là Ủy ban nhân dân.

Quốc hội còn bầu Ủy ban dự thảo Hiến pháp và quyết định trong khi chưa có Hiến pháp mới thì nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 18-12-1980, Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức được Quốc hội thông qua. Hiến pháp mới đã kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp 1959. Đây là Hiến pháp đầu tiên của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, nhiệm vụ tiếp tục hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam và kết quả giành được đó đã thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam độc lập và thống nhất của toàn thể nhân dân ta.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đồng thời đã tạo những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Chương IX

VIỆT NAM BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1986)

I – CÁCH MẠNG VIỆT NAM CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN MỚI

Sau thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới – giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thống nhất Việt Nam được tái lập sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là sự thống nhất của một đất nước đã hoàn toàn độc lập. Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ đảm bảo cho độc lập và thống nhất của đất nước thêm bền vững.

Nghị quyết Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ 24 (9-1975) của Đảng Lao động Việt Nam nêu rõ: "Với thắng lợi rực rỡ mùa Xuân 1975, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ một nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội⁽¹⁾."

Như vậy, độc lập và thống nhất không những gắn với nhau mà còn gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng nước ta. Quy luật đó là: "Trong thời đại ngày nay, khi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không tách rời nhau và ở nước ta, khi giai cấp công

(1) Đảng Lao động Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng về "Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"*, NXB Sự thật, H.1975, tr.7.